

Tập Chư Pháp Bảo Tồi Thượng Nghĩa Luận Quyển Thượng

- Thiện Tịch Bồ Tát tạo Tây Thiên dịch Kinh

Tam Tạng Triều Phụng Đại Phu Thức Quang Lục Khanh Truyền Pháp Đại Sư Sắc Tử Thần Thí Hộ Phụng chiếu dịch.

- Thứ tự kinh văn số 1638 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh Quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn từ trang 150 đến 155.

- Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi cùng với sự phụ dịch của Tỷ kheo Thích Đồng Văn, bắt đầu từ ngày 16 tháng 12 năm 2004 nhân kỳ nhập thất lần thứ hai tại đây.

Quy mệnh tất cả Phật

Quy mệnh các Pháp tạng

Đánh lễ các bậc Trí

Rộng vì lý thậm thâm

Con nay tạo Luận, tên gọi là Bảo Thượng. Trong Pháp tối thượng chọn thật quyết định rõ nghĩa.

Luận rằng Từ vô thi đến nay, si ám là nguyên nhân sanh ra Người, Trời và các loài Hữu Tình. Có con đường ác căn bản, nếu ai muốn vào chỗ vui nhưt thiết trí thanh tịnh, thì phải quy mệnh vào ánh sáng của Phật. Ở trong đây, làm cho ta lia tất cả tánh và tất cả nguyên nhân để biết tất cả khổ não, phiền não nghiệp, sanh ra các pháp tạp nhiễm. Không đầu, không ở, mà chẳng thật thể. Duy có chỗ sanh và mộng huyền. Do mộng huyền từ phân biệt khởi lên. Nên biết các pháp đều từ duyên sanh. Cho nên chư Phật, ở trong nghĩa đó mà duyên sanh, liền nói các pháp, các vật, tánh không, không vô tự tánh; mà lại chẳng ở nơi chỗ làm không thật tướng. Cho nên thanh tịnh A Lại Gia thức. Tuy có chỗ thọ, mà chẳng đắm nhiễm. Nghĩa này sâu xa, lại rất rộng rãi. Kinh dạy rằng:

“Tất cả đều nói như thế. Những người vui muốn cầu sự giải thoát, phải nên như thế để rõ biết các pháp. Phải biết các Pháp chẳng lia nơi Thức. Nếu lia thức, thì tánh kia liền đoạn. Cho nên trong Pháp ấy, chẳng thật có tánh”.

Kinh Pháp Tập chép như thế này:

“Nếu Pháp là thật, hoặc Pháp là chẳng thật. Nếu có tự tánh và không tự tánh. Cả hai chẳng tương ưng với thí dụ huyền hoặc. Các pháp phi hữu tánh, mà cũng phi vô tánh. Ở đây nói, nếu thật vô tánh, thì vô tánh kia gọi là không không tức thành đoạn diệt. Nếu thật có tánh, phải tức tánh ấy là thường, thì nên biết nói không mà chẳng khác không. Lia không, phi không lại chẳng thể được. Lại như sáng, tối, hai việc chẳng giống nhau. Lia tối, lia sáng cũng đều chẳng thể được. Cho nên phải biết ở đây nói chẳng hiện tiền tối thì lia như thế nào. Kẻ trí và kẻ ngu là hai điều không giống nhau. Lia trí và lia ngu lại chẳng chỗ được. Chẳng trí chẳng ngu, là hai điều ở giữa ta nghĩ đều là không. Tất cả các pháp kia không trong, không ngoài, lại chẳng có trung gian. Chẳng có pháp nào để giữ và chẳng có pháp nào để xả”.

Kinh Bảo Tích chép như thế này:

“Nếu nói đây có một bên; hoặc nói không có hai bên; hoặc nói một; hoặc hai; hoặc trung gian; tất cả đều chẳng có tướng, nên chẳng thể thấy. Không có tướng thấy cho nên lại chẳng thể nói. Không hình, không tượng nên chẳng thể biểu thị. Không có chủng loại; Pháp không có nơi nhiếp hoá và giữ lại. Lại chẳng ở giữa để an lập. Nơi đây nói là lời chân thật. Tánh và vô tánh bỏn lai là như vậy. Muốn làm giải thích điều này, phải quán sát rõ ràng về Thánh Đế có thể lia tham và phiền não tội lỗi. Giả sử như phiền não có chỗ sanh khởi, đối với Thánh Đế không có chỗ đắm trước. Nếu biết như thế, đây là điều giải rõ. Tức được công đức tụ nơi thân của Như Lai. Làm tiếng rống của Sư Tử, chuyển đại Pháp Luân. Làm cho tất cả đều được thấy nghe.”

Kinh Lăng Già chép như thế này:

“Ta nói vô tướng, mà chẳng thể thủ. Trong Kinh Chuyển Thức nói rằng: Lia Thức có Pháp Lý chẳng tương ưng. Trong kinh Thọ Ký nói rằng: Phải biết Thức là do Tâm biến ra tất cả Pháp”.

Kinh Thập Địa chép rằng: “Sắc pháp không thật, chẳng thể thủ xả. Trong Kinh A Nậu Cự Lê nói rằng: Nếu rõ các Pháp Tánh tức việc chẳng biết sẽ biết. Cho nên trong đây thật ra không có chỗ được. Trí thể chẳng thật thường biết như huyền, mà tất cả kinh đều dạy và nói như thế.

Các Bồ Tát tùy nơi các tướng chuyển; mà tướng này không có thật nghĩa, không có chỗ được. Nơi Thắng Nghĩa Đế, không thể lập”.

Kinh Bảo Vân chép rằng:

“Nếu gốc là không, chẳng thể nói có. Thức lia phân biệt nên gọi là chẳng thể lập. Thắng nghĩa để kia chơn lý lia lời nói, mà các vật, tánh thật vô sở đắc. Ở đây nói lời quyết định mà Phật dùng ý nói để phá những kẻ vô trí.”

Kinh Hiền Ái chép rằng:

“Nếu nói có vật tức là không vậy. Nghiệp báo của chúng sanh nên có nhiễm tịnh. Nếu có nhiễm tịnh, tức có chỗ tạo tác. Nếu có chỗ tạo tác tức mỗi mỗi tùy theo tướng của thế gian mà chuyển. Có tướng chuyển cho nên thấy có chỗ thành. Nếu có thể an trụ nơi chỗ tướng không điên đảo, tức biết vật tánh chẳng có thật thể riêng. Điều này như nghĩa đức Từ Thị Bồ Tát hỏi:

Bạch Thế Tôn! Nói như thật, Cái Ta vốn vô biên cho nên Bồ Đề cũng vô biên. Vì Bồ Đề vô biên cho nên Không có Bồ Đề để đạt được. Cái Ta vô biên, cho nên chẳng có kẻ cầu Bồ Đề. Lại cũng chẳng có pháp nhỏ, mà có thể biết được chỗ biết. Duy chỉ có trí của chư Phật mới có thể chiếu rõ. Pháp Chơn Như kia tức là Vô Tánh. Vô Tánh tức là Như Lai. Như Lai nghĩa là Vô Sanh Tánh.

Kinh Phong Bát Đa Thiết Đa chép rằng:

Tất cả các Pháp ấy, nếu nói rằng có thường, chấp là không, tức thành đoạn kiến. Nếu chẳng có, chẳng không, lại trung gian chẳng lập”.

Kinh Bảo Tích chép rằng:

“Tất cả các Pháp nhiễm về tham và phiền não, kẻ giải thoát chẳng có tướng cùng tận. Nếu rõ biết phiền não tự tánh bản lai thanh tịnh, đối với Thắng Nghĩa Đề, sự thoát khỏi ấy chẳng có thể thoát khỏi. Kẻ nào nếu muốn quán chân thật nơi Như Lai, nên quán Như Lai giải thoát chỗ sanh. Chẳng từ nhơn mà sanh, chẳng từ duyên mà sanh. Chẳng có tướng sanh, lại chẳng phân biệt mà sanh. Xa rời tất cả tiếng gọi sai biệt. Chẳng có sắc tướng, chẳng có sắc, chơn như cho đến phi thức tướng phi thức. Chơn Như chẳng tối, chẳng sáng. Phi tức là chẳng lia, chẳng thấy chẳng biết. Lia các thức pháp, chẳng có chỗ liễu biệt. Chẳng ở nơi tất cả thức pháp mà trụ, nên có thể quán Như Lai như thế, gọi là Chánh quán. Nếu kẻ kia quán tên là tà quán. Vì tà quán cho nên kẻ kia chẳng có thể thấy chân thật của Như Lai. Ở nơi đây nói về nghĩa như thật, lia có, lia không; phi tánh, phi vô tánh. Như thế gọi là thấy rõ Như Lai.

Kinh Hoa Nghiêm chép:

“Có một vị Trời xuống hỏi Bồ Tát Diệu Cát Tường rằng: Thế nào là Thật ngữ và Bất thật ngữ? Tất cả phiền não làm sao điều phục?

Ngài Diệu Cát Tường đáp rằng:

Như người trong mộng thấy con rắn lớn kia, người này tuy thấy nhưng chẳng bị độc hại, phiền não tuy sanh mà tánh chẳng thật. Tánh này thanh tịnh mà tự điều phục. Đây là thật ngữ, phi thật ngữ vậy.

Lại nữa Bồ Tát Hải Tuệ hỏi Phạm Thiên Bất Tư Nghì rằng:

Pháp vốn chẳng chứng, lại chẳng có chỗ nói, thì sao có Phật và Phật Pháp?

Phạm Thiên Bất Tư Nghì đáp rằng:

Nếu Phật, Như Lai xuất hiện nơi đời cùng sự diễn thuyết kia là pháp của Phật. Hoặc có hoặc không gốc tự nó là như thế. Trước sau chẳng nói, lại cũng chẳng chứng. Không nói cho nên không nghe. Không chứng cho nên không được. Chỉ vì chúng sanh phiền não nghiệp sanh các quả báo. Tánh ấy vẫn sanh vào tâm đại Bồ Đề của chư Phật. Ở nơi cảnh giới bi tâm của các vị Bồ Tát. Nếu các chúng sanh phiền não, các tánh ấy có thể tự điều phục. Đối với các hành, chẳng thường hành vô cầu vô nguyện. Tánh phiền não kia, tất thanh tịnh. Chư Phật lại cũng chẳng chứng chẳng nói.

Lại nữa Thiện Tài Đồng Tử nói: Phải biết các pháp tất cả đều như huyễn mà ta ở trong huyễn đó cầu giải thoát. Như nghĩa ấy trong kinh Hoa Nghiêm đã nói:

Nên biết các Pháp như huyễn như mộng như ánh nắng mặt trời, như tụ tán. Lại như thành Càn Thát Bà. Ba cõi tất cả Pháp đều từ tâm thức mà sanh. Tâm như huyễn cho nên ba cõi cũng như huyễn. Nếu có một vật nào mà có thật thể, đây nói huyễn dụ về lý chẳng tương ưng. Trong kinh Tam Ma Địa Vương nói vậy. Đồng thời các kinh khác cũng nói giống nghĩa trên.

Lại nữa, ta nay y vào kinh để lược nói các nghĩa. Như Bồ Tát Diệu Cát Tường nói: Bồ Đề chẳng dùng thân để được, chẳng dùng tâm để được. Nếu không có tâm tức không có thân. Thân tâm lia nhau như vậy chẳng có chỗ tạo tác. Như huyễn như hoá. Như vậy, nói là Bồ Đề. Chư Phật nói điều này là Bồ Đề, có thể vào cảnh giới bình đẳng của Chư Phật, cho nên cũng gọi là Trí Trang Nghiêm, mà chẳng trang nghiêm, tất cả trí kia. Tất cả trí tánh chẳng thể được vậy. Bồ Đề vô sanh lại cũng diệt. Chẳng một chẳng khác, không đây không kia. Chư Phật Như Lai đã nói như vậy.

Lại nữa, dụ như thế gian tất cả hạt giống đều sanh sản; Tất cả đều ra mầm. Nếu không có hạt giống và các mầm chẳng sanh. Bồ Tát Thích Ca ngồi nơi Bồ Đề Đạo Tràng để thành Chánh Giác, nghĩa này cũng là như

thể. Chỉ từ các Pháp duyên theo mà khởi ra sự sanh. Tuy có chỗ chứng mà thật sự ra điều này chẳng thật. Đây tức là nói Du Hý Thần Thông. Cho nên phải biết chẳng có pháp ngoài. Chư Phật Như Lai lại chẳng có tánh. Cho nên lìa Thức, thật chẳng có một Pháp. Nếu lìa Thức, Pháp chẳng sanh. Nếu Tâm có thể sanh, Tâm ấy tức vô sanh. Nếu Pháp là chỗ sanh ra Pháp lại chẳng sanh là nghĩa này vậy. Chư Phật Như Lai ở nơi Vô Sanh dùng tâm ấy để nói nghĩa Bồ Đề. Cho nên Phật nói Tâm Thức có thể sanh Bồ Đề. Lại chẳng phải Tâm Thức lại có thể sanh vậy. Vì sao vậy? Vì Thức Tánh vốn không vậy!

Ngài Diệu Cát Tường nói đây là tối thượng chân thật. Ở nơi tự cảnh giới Phật như thật mà nói:

Lại nữa các Pháp đều từ duyên sanh; mà ở nơi sanh kia lại không có tự tánh. Cho nên các Pháp, tất cả đều như huyễn. Nói là như huyễn. Cho nên như thật mà nói. Bồ Tát Từ Thị hiện ở tại như huyễn Tam Ma Địa. Cho nên Thế Tôn ở nơi Tam Ma Địa này để thọ ký cho, đó là biểu tượng vậy.

Lại nữa, đức Thế Tôn ở nơi vô số kinh, đều nói tất cả các Pháp đều từ Thức mà biến hiện. Lìa sanh, ly diệt, phi hữu tướng, phi nhiếp tàng, chẳng có khởi tác và chẳng có dừng nghỉ. Chẳng có chẳng không, chẳng thường, chẳng đoạn. Nên biết trí tánh tất cả đều như huyễn. Hà huống là các pháp có chỗ phân biệt. Nếu có kẻ chấp trước vào lời nói đoạn, thường, thì kẻ kia chẳng chánh hạnh. Phật chẳng hứa khả. Nếu biết các Pháp phi đoạn, phi thường, kia liền tương ưng. Gọi tên là chân thật.

Ở nơi chính mình và bên ngoài chẳng có pháp đấm trước, lại chẳng có pháp ở nơi tâm đối trị. Tuy ở nơi các pháp nói nhiều câu loại, mà tùy theo các pháp để làm chỗ biểu thị rõ ràng, phải nên biết tự Thức mà chẳng phải tha thức. Ở nơi này, nghĩa bên ngoài mà chẳng có ít pháp là nơi có thể sanh niềm vui. Tự thức vô tánh, tha thức cũng vô tánh. Ở nơi tự và tha lại cũng chẳng có tánh khác. Chơn thật trí kia lìa có và không. Nên biết ngã thức lại cũng chẳng có. Bồ Đặc Già La uẩn (Ngã uẩn) nói có chỗ nhiếp, cho nên biết rằng tất cả Phật, tất cả Pháp, đều có riêng mình. Nếu lìa tự phân để cầu thì chẳng thể được; tức điều này chỗ nói lìa có lìa không. Đây là nghĩa sâu xa mà chư Phật đều nói về Vi Diệu Pháp này. Xa rời tất cả chỗ chấp trước phân biệt. Lìa việc này lại cũng không phân biệt để nói. Những kẻ mê làm hoặc đấm trước nơi có, tức là có thiện ác, hai loại sai biệt. Nếu đấm trước nơi không, tức chẳng có suy nghĩ điều này sát na sanh khởi. Cho nên sự đấm trước có, đấm trước không, đều chẳng giống nhau. Chư Phật Như Lai vì tâm từ mà phương tiện nói nghĩa này. Nghĩa là tất cả Pháp lìa có và lìa không. Như thế chỗ nói là câu văn tối thượng. Cho nên điều này nói các pháp là chân thật. Pháp không có tánh đấm trước lại chẳng phải chỗ để quan sát. Không đấm trước tánh ấy tức là lìa có và lìa không. Nếu biết như thế là kẻ trí vậy. Thường hay quán hư không chẳng tăng chẳng giảm chẳng phân lượng, vô biên tế. Tức từ hư không này xuất sanh tất cả. Thanh tịnh tâm thức lại cũng như thế. Tâm này vô tâm, tất cả đều từ đó mà ra.

Lại như Tịnh Ma Ni Bảo kia vô tâm nên ảnh hiện tất cả. Hoặc có hỏi rằng vì sao chia ra mà không thể giữ lại, thì nên đáp rằng: Nơi kia hư không chẳng tạo tác, có giới hạn vậy nên không thể giữ lại. Nếu hư không kia, chẳng có tạo tác giới hạn thì sánh với cái gì để được? Nên biết tất cả chúng sanh giới như là vi trần tụ họp lại, mà hư không kia tức có thể dung nạp tất cả. Các chúng sanh cùng với hư không giới chẳng có chỗ tăng giảm. Hoặc tất cả loài hữu tình cho đến tất cả nơi chốn. Tất cả chủng loại, tất cả hình tướng, mỗi mỗi đều phân biệt. Trong ấy thật chẳng có một tánh, có chỗ sanh khởi. Ở nghĩa này chẳng có một tánh và chẳng có nhiều tánh. Một, nhiều, ở giữa lại cũng vô tánh. Nếu nói một tánh định có sở đắc tức là nhiều tánh mà có chỗ sai biệt. Có tánh sai biệt tức sanh ra phân biệt. Cho nên một tánh, nhiều tánh; tánh này đều bình đẳng. Hoặc ở nơi nghĩa ngoài không có chỗ chấp trước. Ở nơi trí lại chẳng có chỗ được. Nếu ở nơi nghĩa ngoài không có chỗ chấp trước, ở nơi trí lại chẳng có chỗ sanh khởi; hoặc tâm vì thức lìa các tướng mà ngoại pháp kia làm sao có sự đo lường. Nếu tâm tri thức mà có các tướng, ngoại pháp kia lại làm sao có thể đo lường được. Cho nên phải biết ở nơi ngoại pháp bảo kia chẳng có một tánh có thể khởi lên để sanh ra. Như mộng và pháp thật chẳng có tác dụng. Nếu nói các pháp là điều này, thì điều này không có tự tướng. Nếu nói các pháp là kia, thì kia lại cũng vô thật. Nếu ở nơi tự tâm rõ biết chỗ có rồi, tức là ở tự tâm này lại cũng chẳng là thật. Nếu như thật biết gọi tên đó là giác, rõ biết tướng của thức. Nếu có tất cả chỗ thô trọng phân biệt để khởi lên tâm kia, nên biết tất cả là phiền não sai biệt sanh ra vậy. Nếu đã rõ biết phiền não tánh lìa tâm phân biệt; tức là sanh tử Niết Bàn cả hai đều thanh tịnh. Tánh thanh tịnh này tức là các pháp tánh. Tánh này lại cũng có tên chơn như, gọi là thật tế. Lại cũng có tên là không. Ở những tánh này, hoặc nhiễm hoặc tịnh, dùng thật trí để quan sát tất cả đều được bình đẳng.

Hoặc có kẻ hỏi rằng: Ở nơi tất cả pháp, thế nào là bất hoại? Nên trả lời rằng: Các pháp tự thân của nó là bất hoại. Sao lại chẳng hoại? Chẳng hoại là tánh của nhơn vậy. Nếu Pháp có tánh hoặc pháp vô tánh đều chẳng lìa tự tánh. Mà nghĩa của hai bên làm sao có thể an lập. Nếu nhơn của các pháp cùng sự tác dụng, có chỗ hoại đi, thì ở tất cả nơi cái lý ấy chẳng tương ưng. Thật tánh của các Pháp làm sao chuyển theo được? Nghĩa là thật tánh kia chẳng có chỗ trụ vậy. Các Pháp vô tánh làm sao có nhơn? Lìa nhơn, lại cũng chẳng có tánh riêng vậy. Lại nữa! Thật tánh của các pháp chẳng có chỗ hoại. Tức sự hoại kia gọi tên ấy lại cũng chẳng có

chỗ trụ. Ở trong đây lại chẳng có sai biệt tánh của nhơn. Tánh của sự hoại diệt kia không phân chia nơi chốn vậy. Chơn Thật các pháp là tánh thường trụ. Tánh thường trụ kia chẳng phải là tánh vô thường. Nếu lìa tánh thật có nghĩa riêng thì sự tác dụng của giáo lý ấy chẳng tương ưng. Tuy nhiên, tánh của vật cũng chẳng giảm. Lại nữa, chẳng phải tánh của vô thường là tánh chơn thật. Ở trong tánh chơn thật ấy, có nghĩa gì? Ở nơi đây sự tác dụng với tánh vô sai biệt không thể phân biệt được. Tất cả thường biên kia và tất cả xứ kia lại chẳng phải tánh vô thường mà là tánh chơn thật. Ở trong tánh chơn thật đó, cái tướng được như thế nào? Những sự chẳng chơn thật ấy, ở đây lập ra sao? – Các biệt dị tánh ở đây hiện hữu như thế nào? Cho nên chẳng phải tánh vô thường mà phải nên biết vậy.

Lại nữa nên biết: Tánh vô thường ở nơi tánh của vật chuyển đổi nhiều loại tánh khác. Các loại này tụ họp lại rồi hiện lên là nguyên nhân của sự sai biệt vậy. Chỗ dục làm nhơn rồi sanh khởi ra vậy. Hoặc ở nơi tánh vô thường kia; trong đây làm chỗ quyết định để nói, cùng với nghĩa lý của duy thức chẳng tương ưng. Tánh vô thường kia không có quyết định vậy. Nếu pháp chẳng hoại lại chẳng phải chẳng hoại. Có pháp trong sát na sanh khởi ra. Nếu nói chẳng hoại, sao có tên là tánh vô thường. Nếu chẳng phải chẳng hoại, sao gọi tên là nguyên nhân của tánh. Quá khứ, vị lai Pháp lại cũng như thế, mọi vật đều không có tánh. Thật như định có sự phân biệt của các pháp mà tùy chuyển. Tùy theo sự phân chia này, ở đây gọi là nhân gì?

Nghĩa là chẳng có chỗ trụ vậy. Ở trong hữu vi, trước mắt là sự mất mát; tức là sau đó hoại diệt đi lại sanh khởi trở lại. Trước thì chẳng thể phân biệt, rồi sau đó dẫn đến sự sanh ra phân biệt. Sau đó chẳng thể phân biệt, từ trước đó có sự phân biệt mà sanh ra. Nếu nói các pháp ở đây có chỗ được. Tức ở điều này khởi lên nguyên nhân của sự phân biệt. Nếu nói các pháp kia có chỗ được, tức ở nơi kia khởi lên nguyên nhân của sự phân biệt. Quá khứ, vị lai chẳng có trụ lại cũng như thế! Ở trong đây chẳng có nơi chốn, phân biệt sát na Pháp có thể nói hữu hoại hoặc chẳng hoại; Ở ý nghĩa này chẳng phải pháp của từng sát na. Nếu ở nơi kia nhân như thế đã rõ rồi, thì ở trước sau hoặc khoảng giữa lại chẳng thể phân biệt.

Hết quyển thượng

Tập Chư Pháp Bảo Tối Thượng Nghĩa Luận Quyển Hạ

Lại nữa, bây giờ nói về Sanh, Trụ, Dị, Diệt. Ở đây bốn tướng trong mỗi sát na đều có sự biến chuyển vậy. Tướng bất tương ưng là chẳng thật. Ở nơi bất tương ưng tướng không thật nên chẳng thể khởi lên sự phân biệt, chẳng thể nói một lúc, chẳng thể nói lúc khác. Một lúc và lúc khác không có sanh khởi vậy. Lại nữa, chẳng thể nói không đúng lúc. Cái lý sai biệt vậy. Nếu nói lúc hoại; thì hoại tức là chẳng sanh vậy. Cho nên phải biết: Sanh thì vô trụ, mà lúc trụ lại chẳng có chỗ được. Tánh vô trụ kia vì sao có giảm, vì sao lại có diệt? Sự sanh và sự trụ kia gọi tên là dị. Nếu gốc là vô sanh thì làm sao có trụ? Nếu pháp vô trụ tức làm sao có thể được. Cho nên vô sanh và vô trụ vậy. Ở trong đây nghĩa gì mà nói là diệt? Nếu Pháp có trụ, thì ở nơi pháp trụ ấy có thể nói dị tánh. Pháp tức vô trụ, làm sao có dị tánh. Trong vô dị tánh, chẳng nên phân biệt. Nên biết dị tánh mà chẳng phải tánh trụ. Thật chẳng có một tánh có thể phân biệt. Cho nên các tướng cùng với tâm phân biệt. Đây là hai loại. Nếu không có các tướng, tức không có sự phân biệt. Nếu các tướng kia, hoặc tâm phân biệt có sự phân biệt thì cả hai đều phân biệt. Như nghĩa thật là vô tướng vô phân biệt. Sanh, Trụ, Dị, Diệt nếu có tánh ở nơi tất cả lúc, tất cả chỗ, tất cả pháp; ở đầu giữa, sau chia ra thì chẳng thể an lập vậy. Nếu có thể như thế, y như giáo lý mà tư duy, thì Phật nói người này là đại trí, các tánh ở đầu, ở giữa, ở sau, tánh chia ra ba nơi ấy, thật chẳng có một tánh. Có chỗ sanh khởi. Cho nên các pháp chẳng phải một tánh và chẳng phải nhiều tánh. Một nhiều, ở giữa đều chẳng có chỗ được. Nếu tất cả pháp lìa một tánh và lìa nhiều tánh; tức thường và vô thường không có chỗ phân biệt. Cho nên chẳng phải vô thường, chẳng phải chẳng vô thường. Không nên nơi ấy khởi lên hai sự phân biệt. Nên biết sự chia ra ở phần đầu, phần giữa và phần cuối chẳng đều cùng sanh một lúc; chẳng đều cùng có. Như tánh của người kia. Tức ở nơi mình không có. Hoặc tự thể tánh, người kia nói có, thì ở trong đây nói chỗ tự tánh là không. Tánh kia làm sao có. Cho nên tự này lại vô tánh, và tha kia cũng vô tánh. Nên biết tất cả pháp làm và công việc làm đều chẳng lìa tánh của nguyên nhân. Nếu hoại, chẳng hoại, đều không phải chỗ của tâm suy nghĩ; chẳng thể phân biệt. Ở đầu, ở giữa, ở sau cùng phân ra như thật tư duy. Tất cả đều là vô vi tướng, chẳng phải biệt dị tướng. Chẳng nên phân biệt kia với các pháp và mỗi mỗi chủng tử kia với mỗi mỗi tánh. Mỗi mỗi chẳng lìa trí chủng tử mà sanh. Mỗi mỗi sát na phân chia rồi chuyển đổi dễ dàng. Cho nên ở kia và tất cả tánh của Pháp kia làm sao nơi tâm có thể tư duy sanh khởi. Ở trong tất cả pháp sai biệt về sự tướng thì nên biết chẳng có nguyên nhân, lại chẳng có sự sai biệt. Các pháp bỗng lại chẳng có chỗ tạo tác. Tuy có chỗ tác dụng tương tục nhưng sao gọi là thật. Do vậy chỗ hiểu biết về các pháp cũng nên biết đây là hai, giữa các sát na chẳng thể hoà hợp. Tánh

này như thế thật chẳng thể chấp thủ. Trong đây không có chỗ sở hữu, lại chẳng có sở đắc. Nên quán các pháp sanh rồi, tức liền hoại. Nếu pháp chẳng hoại tức chẳng có pháp sanh. Vì pháp hoại mà chẳng có chỗ được. Kia chẳng hoại là tánh thường trụ. Tức tánh thường trụ kia lại phải lìa khỏi. Tức sự lìa khỏi lời nói ở trong đây cũng phải lìa. Như thế mà biết rõ nơi các pháp rồi về tánh sai biệt kia là nhân của thường trụ, chẳng phải tánh sai biệt cũng lại như thế. Các pháp hữu vi tức sanh, tức diệt. Cho nên gọi là vô trụ. Nếu có trụ nên có chỗ được; nếu vô trụ tướng thì chẳng có chỗ được vậy. Vô Trụ Pháp kia cũng tương ưng với tất cả các hành và chỗ làm sai biệt. Nếu tánh kia có chỗ được thì ở nơi vô sai biệt hạnh làm sao có thể đối trị? Cho nên vô biệt hạnh thì chẳng thể sanh tánh.

Lại nữa nên biết nhãn và các thức có tánh hiện lượng. Đại Mâu Ni Sư thường hay nói: Nếu lìa tánh hiện lượng, biệt thủ lượng, phi lượng, thì ở nơi kia, nơi này làm sao có thể được. Ở nơi sở hữu của thế gian, đầu tiên là làm công việc tất cả đều chẳng có chỗ y cứ vào. Như các chỗ làm không có tánh tác dụng. Nếu như thế các việc đã biểu hiện ra, thì nơi hiện tại cũng chẳng có chỗ thành tựu. Ở trong đây nếu có chỗ làm và chẳng phải chỗ làm, tức những sự tác dụng về ý nghĩa đều sai biệt. Cho nên tất cả chẳng thật có việc làm, đều như hư không. Thường và Vô thường đều chẳng thể chấp nên biết các pháp đều từ duyên sanh, tuy sanh lại chẳng ít pháp có thể được. Duyên ấy như huyễn nên sanh ra như huyễn. Tức là như kia xuất sanh ra các pháp là ở nghĩa này vậy. Các pháp vô tánh là chẳng phải phi vô tánh. Ở nghĩa này, đức Chánh Đẳng Chánh Giác như thật mà nói. Phải biết tất cả pháp vô trước vô ngại. Ở nơi Đại Thừa nói điều chân thật này như thế mà rõ biết. Tức tâm Bồ Đề trước sau vẫn bình đẳng. Mười phương ba cõi tất cả Như Lai đều biết như thật. Nên xuất sanh ra phương tiện. Rồi nói tất cả các pháp môn sâu xa. Như thế ở đây gọi tên là phân biệt, cho nên mỗi mỗi sự tuyên thuyết đó đều biểu thị sự xuất sanh của các pháp. Cho nên những pháp kia là pháp Tứ Đế; những pháp kia là pháp Duy Thức, tuy có chỗ nói mà thường chơn thật. Các pháp kia tất cả đều như huyễn. Do như huyễn nên chẳng thể Tầm, chẳng thể Tứ, chẳng thể Tri, chẳng biểu thị, chẳng nhiếp tạng. Nếu lìa như thế tức biết các pháp là chơn thật. Vì biết chơn thật, mà Bồ Đề Tâm liền được giải thoát. Nếu tâm Bồ Đề được giải thoát như thế tức chư Phật lại cũng như vậy; chúng sanh lại cũng như thế. Sanh tử lại cũng như thế, Niết bàn lại cũng như thế, Pháp giới lại cũng như thế, cho nên Phật và chúng sanh cả hai đều bình đẳng. Sanh tử và Niết Bàn lại cũng bình đẳng. Nếu ở nơi này như thế mà thật rõ biết nghĩa rồi, thì Phật nói đây là chỗ Bồ Đề của chư Phật. Cho đến tất cả chỗ hành, công việc tất cả đều thành tựu. Ở đây nói là đệ nhất nghĩa. Lìa điều này ra, chẳng riêng có đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa này nhiếp tất cả pháp. Là bất tư nghì chơn thật ngữ hạnh, lìa hữu, lìa vô; chẳng trí chẳng ngu; chẳng ít, chẳng nhiều, vô tướng, vô tánh. Lại chẳng phải chỗ chiếu đến. Trí chẳng thể biết, thức chẳng thể biết, Không là tự tánh, và chẳng lìa tự tánh. Vô thủ, vô xả lìa tướng thủ xả. Từ trí như thật mà xuất sanh ra. Tùy chỗ mà xuất sanh, cho nên nói: Vô Thủ tướng, vô nhiếp tạng. Chẳng phải tâm là chỗ suy nghĩ, chẳng thể biết được, chẳng phải mắt là chỗ thấy, nên chẳng thể thấy được.

Vì sao vậy? Tâm vô tự tánh vậy. Do tâm vô tự tánh tức tất cả các pháp đều vô tự và vô tha. Mà vô tự, tha là hai loại sai biệt. Tức tất cả pháp tự tánh tương ưng; chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng tụ, chẳng tán, chẳng trí, chẳng ngu, chẳng có ít pháp, chẳng nơi biểu thị, có nơi chiếu sáng. Nên biết rằng chúng tử Bồ Đề từ nơi tướng kia mà biểu thị rõ ràng vậy. Nếu có thể ở nơi tướng kia, quán vô ngã thì chúng tử Bồ Đề kia lại chẳng có chỗ sanh. Các Bồ Tát Ma Ha Tát tự tánh chân thật, dùng phương tiện lành để xuất hiện nơi thế gian, khởi tâm đại bi, để hiển bày chỗ chúng; mà các Bồ Tát, tự tánh chơn thật chẳng sanh, chẳng diệt. Nên biết thức pháp xa lìa nghi hoặc. Chẳng có ít pháp có thể sanh khởi. Ngã và ngã sở đều không, mà chẳng có tướng hiển thị rõ ràng. Tướng của thức rõ ràng là vô tự tánh. Tánh của ánh sáng kia là tánh tự thường. Cho nên tánh của ngã tướng không có ánh sáng. Không có ánh sáng thì sao nói là có tướng ánh sáng? Như ánh sáng có thể phá đi sự tối tăm, mà sự tối tăm và sáng kia chẳng gần, chẳng hợp. Chẳng gần nghĩa là ánh sáng phá được cái gì? Chẳng hợp nghĩa là sự tối tăm kia phá được cái gì. Nếu tướng của sự sáng tối, xa lìa lại cả hai đều chẳng được. Thì nên biết rằng sáng có thể phá tối, không tức là không lìa, chẳng thể ở trong đó định ra thật tướng để phân biệt. Tối tuy là có phá, nhưng không thể phá pháp. Kia có thể phá pháp vô phân biệt lượng. Vì sao vậy? – Phá có tên là vô trụ vậy. Do điều này nên biết tất cả các pháp kia do nhân duyên hoà hợp mà có chỗ sanh, mà nhân duyên do huyễn mà thành tựu. Trong pháp như huyễn đó sự si ám kia lại chẳng phải phiền não; mà vì tri chướng nên chẳng rõ, rồi lìa thức phân biệt. Lại chẳng phải ánh sáng, có chỗ sanh khởi. Đây là hai thật tánh đều chẳng phân biệt. Ở trong này, cái thấy một bên mà chẳng thật chỗ được.

Lại nữa nên biết, xúc, tác ý, thọ, tướng, tư, dục, thắng giải, niệm, định, huệ. Như thế là những tâm sở hữu pháp là những pháp thuộc về sở hữu của tâm. Tất cả những loại kia đều là tướng của Bồ Đề, mà mỗi mỗi tự tánh đều thanh tịnh. Hoặc có pháp chẳng có tướng Bồ Đề, mà ở nơi tự thể lý chẳng tương ưng. Giống như hư không tự tánh thanh tịnh., mà tánh biết kia lại cũng thanh tịnh. Nếu biết ngã tướng thật chẳng có chỗ được, tâm thức kia lại cũng chẳng sanh, nếu thức chẳng sanh thì tất cả pháp kia làm sao mà có? Cho nên

phải biết các pháp đều từ chỗ chân thật mà sanh ra. Các pháp do nhân duyên hòa hợp mà sanh. Tuy sự sanh ấy không thật nên chẳng có chỗ có. Các pháp như huyễn, thức tâm như huyễn, duyên lại cũng như huyễn. Do điều này, mà thức từ duyên sanh. Nếu biết trí tánh lại cũng như huyễn. Chẳng có chỗ phân biệt, chẳng có chỗ rõ biết, các pháp tự tướng chẳng hiểu chẳng có chỗ hiểu, nên nói rằng tất cả đều chẳng tương ưng. Trong đây nếu có thể lia các sự phân biệt về sanh diệt, tất cả đều xa lia. Duyên sanh như huyễn, nên chỗ sanh lại cũng như huyễn.

Thế nào trong như huyễn mà thật có sanh? – Nên biết thức tâm kia như huyễn, nên sự hiểu biết lại cũng như huyễn. Sự hiểu biết như huyễn nên chỗ biết lại cũng như huyễn. Biết và chỗ biết cả hai đều như huyễn cho nên khi pháp sanh ra lại cũng như thế. Pháp sanh như huyễn nên các pháp lại cũng như vậy. Như người ta thấy kia là huyễn mà tạo nên hình tượng. Như chỗ sanh ra đó tức có ba việc. Các việc làm của thế gian lại cũng như thế. Như chỗ sanh này lại cũng có ba việc. Ở nơi tâm này có chỗ thấy tức nói là chỗ làm. Nếu rõ chẳng có tâm, tức chẳng có chỗ suy nghĩ. Không tâm, không suy nghĩ, pháp làm sao có được. Nếu có tướng của Ngã và Ngã sở có thể nói là có thấy. Còn vô ngã, ngã sở thì sao gọi là thấy? Tượng Bồ Đề kia lại làm sao chứng được? – Đây vô ngã tướng như thế mà nên biết tất cả huyễn pháp đều chẳng có chỗ có. Như huyễn mà hiện ra gọi tên là có. Có tánh, vô tánh, tánh của tự tánh kia, tánh này vô trước tất cả nơi hiện hữu. Nếu pháp là có, tức chẳng nên không. Điều có này lại cũng cho thấy là hiện tiền vô thể. Nếu pháp là không tức chẳng nên có. Điều không này lại cũng là hiện tiền có thật. Cho nên chẳng sanh, lại chẳng nắm giữ. Do điều này nên biết pháp nói là có, mà chẳng có. Nếu mà chẳng có tức cũng là không. Trong đây nói có, lại chẳng thể quyết định. Pháp giới tự tánh nên như thế mà nói. Nếu các sắc pháp là thật có thể thì ở nơi đệ nhất nghĩa lại chẳng có chỗ có. Cho nên ở trong đây, các việc tạo tác đều từ huyễn hoá phân biệt khởi lên vậy. Nếu pháp có tánh, hoặc pháp vô tánh thì trước sau cũng như vậy. Nếu phi hữu tánh hoặc phi vô tánh lại cũng như thế. Hữu tánh, vô tánh, tự tánh tương ưng. Tánh và vô tánh chẳng phải tâm phân biệt. Nếu có nói các pháp là mỗi mỗi vô tự tánh, thì cũng có các pháp nói là khác với vô tự tánh. Ở trong tất cả pháp, tánh chẳng có tự tánh nên nói là chẳng thể được. Cho nên chư Phật tùy theo ba đời mà chuyển làm cho thế gian, tất cả chúng sanh đều được giải thoát. Cảnh giới của chư Phật thì chẳng có nhân duyên tăng trưởng. Nơi kia lại cũng chẳng có tánh tăng trưởng. Trong tánh chân thật, chư Phật thường hiện hữu, nên biết tất cả pháp phân biệt ra bốn loại. Cho nên, hoặc có hoặc không, hoặc cả hai, hoặc chẳng phải hai, tâm thế gian như huyễn, lại cũng như huyễn.

Vì sao chẳng nói là có chỗ nói? Tất cả pháp không đều lia chỗ đắm trước. Không lại chẳng lia tánh chân thật kia. Trong đây, chẳng thể hí luận phân biệt, mà ở nghĩa này các pháp đều vô tánh. Như thế mà nói hề biết chư Phật Chánh Đẳng Chánh Giác phi tánh và phi vô tánh. Tánh và vô tánh đều lia sự đắm trước vậy. Đây tức là phi không lại chẳng phải chẳng không. Không có trung gian, lại chẳng có chỗ sở lập. Cho nên tất cả Pháp chẳng sanh và chẳng có tánh. Vô sanh, vô tánh nên tùy theo tướng của mỗi nơi mà biểu thị. Rồi do sự chấp trước này nên có nghĩa là chẳng có chỗ được. Chẳng có tánh thật để giữ, đây tức là chơn thật. Các pháp vô sanh, lại cũng vô diệt, tất cả Pháp kia đều cùng một tướng. Trong đây như thế cũng đồng một tướng vậy. Tức là tất cả pháp vô nhiễm, vô tịnh hoặc nói các pháp có sanh, có diệt. Nên biết tất cả đều từ chủng tử phiền não, hư vọng mà sanh khởi. Nếu nói các pháp là không sanh, thì sự nói kia gọi là đoạn kiến, lời nói quá. Nếu nói các pháp là không diệt thì lời nói kia gọi là thường kiến, lời nói quá. Cho nên các pháp là ngôn ngữ. Chẳng thể nói sanh, mà cũng chẳng thể nói diệt. Ở trong tất cả pháp sự sanh diệt thật chẳng có ít pháp có chỗ được. Nếu hay lia hai loại nói quá kia, tức tất cả pháp chẳng đoạn chẳng thường. Hữu tánh, vô tánh, tánh ấy tự chân thật. Trong đây không có ít pháp là chỗ được tướng. Chẳng có một việc gì mà thật có thể chuyển được. Tuy các pháp có sanh mà chẳng có chỗ có. Trong đây lại cũng chẳng có biên giới thật. Chẳng biết rằng như hư không, lia tất cả tướng.

Sự biết và hư không, tất cả đều bình đẳng nên biết tất cả sự sai biệt, sự phân biệt là vì lưới nghi phiền não và tánh thanh tịnh. Chơn như vô tướng lia các chỗ duyên vào. Tự tánh thanh tịnh vốn có ánh sáng lớn. Cho nên phải biết chư Phật Thế Tôn vốn tánh chơn như. Đây gọi là Phật Bảo, mà nguyên nhân thanh tịnh để biểu thị Pháp thanh tịnh, mở bày sự lý giải chánh đáng và gìn giữ tự tánh. Đây gọi là Pháp Bảo. Chỉ cho con đường chân thật, tự thể tương ưng. Đây là tạng bảo. Như thế ba bảo này đều chẳng có tướng, chẳng có pháp chứa đựng, chẳng có chỗ huân tập, chẳng có nơi, chẳng có tướng, chẳng phân biệt, cho nên chư Phật Thế Tôn ở nơi Thắng Nghĩa Đê. Từ con đường như thật, mà đến bằng sự như thật. Cho nên gọi là Như Lai. Trong như thật rõ biết các pháp vô ngã. Cho nên hiện ra các sắc tướng và các pháp công đức. Từ sơ phát tâm tu hành các hạnh để được bất thối chuyển. Cho đến sau cùng như thật sanh Bồ xứ thành đấng chánh giác. Đây là chỗ nguyên nhân từ vô cấu chơn như mà hiện ra thân Phật. Sự hiện thân này là phương tiện sanh ra, để tuyên nói các pháp mà thật sự ra chẳng có tướng nói. Vì sao vậy?

- Vô tánh vô sở hữu vậy. Thức tâm thanh tịnh; thức này tức là có chỗ làm các việc lại như thế mà hiện ra. Tuy hiện ra chỗ chẳng chấp mà lại chẳng nói. Ở nơi Thắng Nghĩa Đệ chẳng thể thủ, chẳng thể nói vậy. Tức ở đây chẳng thủ và chẳng nói, thể tánh tự chân thật. Lại cũng chẳng thể nói, mà chẳng thể nói tức là không phân biệt. Tánh không phân biệt là thắng nghĩa đệ. Ở nơi Thắng nghĩa đệ, tùy theo sự phân biệt chỗ có và chỗ có nghe các pháp. Như thế, như thế, các pháp nói ấy là tướng của các pháp chẳng nói. Pháp tánh của các pháp đều bình đẳng. Các pháp vô ngã lại chẳng có tự tánh; có tánh vô tánh tự tánh kia lia có và lia không; mà chẳng thể thủ, chẳng thể nói. Trong đây như thế hoặc có hoặc không ngữ nghĩa sâu xa lia tướng mà nói. Các pháp chẳng có tướng chứng; nên đây có tên là Chánh Đẳng Giác. Các Pháp lia tướng nói; nên đây nói là chơn thật, chẳng sanh lại chẳng diệt. Nghĩa của các pháp sâu xa vô cùng, mỗi mỗi các cảnh giới vô ngã và chẳng chuyển, Pháp bên ngoài chẳng thể chuyển và pháp bên ngoài chẳng thể thủ. Bồ thí, trì giới và các pháp tuy nói nhưng mà vô tướng. Cho nên ở nơi tất cả pháp chẳng có tướng thủ, tức chẳng có chỗ đấm trước. Ở trong đây lại chẳng có tác dụng riêng. Giả thử có chỗ làm, lại có tên là không. Chỗ làm không nên không có tướng thật hành; không có tướng thật hành nên trong pháp ấy không tăng không giảm. Nếu ở nơi các pháp hư vọng phân biệt, thì nên biết tâm kia chấp tướng để chuyển, nên khởi lên tâm kia vậy. Đây là kẻ ngu si đấm trước tánh phiền não và kẻ kia chẳng thể giải thoát. Nếu chẳng khởi lên sự hư vọng phân biệt thì các chỗ làm đều tịch tĩnh. Kia có thể như thật mà được giải thoát. Chẳng phân biệt nên tâm tánh thường tịch, cho nên các pháp từ duyên mà sanh ra. Tuy có chỗ sanh mà nói là không, nên quán tự pháp chẳng có tướng có. Đức Chánh Đẳng Chánh Giác làm và nói như thế. Phải biết các pháp chẳng tự, chẳng tan, chẳng tự, chẳng tha, chẳng có pháp nhỏ, chấp tướng có thể được. Như đầu lại cũng như cuối, đầu cuối đều tương ứng, mà tánh chơn như kia là ánh sáng quang minh chiếu diệu. Có thể chiếu khắp đến tánh chơn như kia. Các pháp duyên sanh hiện ra vô ngại. Như huyền mà sanh lại nói như thế. Điều này nói rằng xuất sanh nơi Đại Thừa.; nên biết tất cả Pháp, hoặc sanh, hoặc diệt, chẳng phải con đường Tâm Tứ nên biết như thế.

Vì sao vậy?

Các ngữ nghĩa đều chẳng có chỗ đấm trước vậy. Tánh chân thật kia đều chẳng thể biết vậy. Cho nên hiện tiền chẳng có chỗ chấp trước. Kẻ trí như thật mà lia những lời nói. Tâm phân biệt kia gọi là lưới. Lia sự phân biệt kia tức được giải thoát. Tâm giải thoát kia như bình đẳng vậy. Như thế chỗ nói pháp ấy thật sâu xa. Ở trong này như thật tín giải. Đây là người Đại Trí. Tâm tín giải kia cùng với ba cảnh. Tâm này thanh tịnh lia các trần cấu. Lại nữa có thể xa lia tất cả những sự nhiễm trước. Tức ở nơi các pháp chẳng thủ và chẳng xả. Tất cả sự chấp trước ngu si đều xa lia. Kẻ kia có thể rộng được 10 loại tự tại. Kẻ kia ở nơi tự pháp ấy giác ngộ rõ ràng thật tánh. Trong vô tự tánh lại chẳng có chỗ trụ. Ở nơi các Pháp như thật tín giải. Như chỗ tín giải như thật mà trụ. Giống như hư không khắp biến không thiếu. Tất cả pháp kia viên mãn xuất sanh lại cũng như thế. Pháp này bình đẳng phổ biến tất cả. Ở trong đó chẳng có pháp, chẳng đến chẳng đi. Chẳng đến đi nên các pháp hiện tiền. Biết nghĩa này là thông đạt lời dạy của chư Phật. Tất cả pháp sanh tất chẳng có chỗ đấm trước. Khác với điều này lại cũng chẳng có pháp biệt hữu. Điều này ở nơi Đại Thừa là con đường quan trọng của các Pháp. Tối thượng thậm thâm như thật mà chuyển. Tâm thức tịnh rồi, cho nên tất cả đều chẳng đấm trước cùng với tất cả pháp lý chẳng tương ứng. Cho nên phải biết tất cả tâm chấp hết các nơi của các pháp có, thì pháp kia sâu xa chẳng thể dùng trí để mà quan sát. Lại chẳng rõ biết. Chẳng có hai nơi đều chẳng thể lập mà nên nghĩa này vậy.

Tin Phật Bồ Đề chẳng thể chứng cũng không có nơi chứng. Trong pháp Bồ Đề chẳng có chỗ để ở. Nếu có thể như thật chứng, tự Phật cùng với tất cả Pháp đều tự tương ứng. Các pháp chẳng có nguyên nhân, lại chẳng có chỗ làm mà những kẻ ngu si suy nghĩ phân biệt. Nếu chẳng có nguyên nhân lại chẳng thể huân tập các việc phước đức; khởi tâm nhiễm trước cảm đến quả báo của ác thú cho nên kẻ trí phải biết ở nơi đây trong pháp thậm thâm vi diệu như thật tín giải, tôn trọng cung kính. Tức được vô lượng tối thượng Phước tự. Đây tên là bậc chân thật tu Đại Thừa. Cho nên có người rõ biết con đường này rồi thật hành theo con đường như thật đó, không đấm nhiễm vào con đường đó, tối thượng tối thắng, mà có thể phát sanh tín tâm thanh tịnh rồi xưng tán chư Phật. Có những kẻ vô trí, tà kiến, ngoại đạo, chẳng thể xả bỏ nơi kia những chấp trước của Tăng, thì đây là pháp sâu xa chẳng nên nói ra. Nếu nói cho kẻ kia nghe về lý ấy thì chẳng tương ứng.

Những gì con tán dương Pháp tối thượng

Đầu, giữa, sau lành lý tương ứng

Tổng nhiếp tối thượng chơn thật cú

Thậm thâm vi diệu bất tư nghi

Nhóm các công đức thật vô biên

Phổ thí tất cả chúng sanh giới

Hết Quyển Hạ

Dịch xong cùng ngày 16 tháng 12 năm 2004
tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi